

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Thành viên
	Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên
	Ông Phan Vũ Hùng	Thành viên
		(từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
		(từ ngày 2 tháng 4 năm 2013
		đến ngày 5 tháng 12 năm 2013)
	Bà Phạm Thị Hồng Hoa	Thành viên
		(đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Thành Châu	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 19 tháng 2 năm 2013)
	Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 2 tháng 1 năm 2013
		đến ngày 20 tháng 3 năm 2014)
	Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 25 tháng 1 năm 2013)

Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban Kiểm soát
	Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên
		(từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
	Bà Nguyễn Hồng Nữ	Thành viên
		(đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)

Trụ sở đăng ký	Thôn Phước Lâm Xã Ninh Xuân Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-303



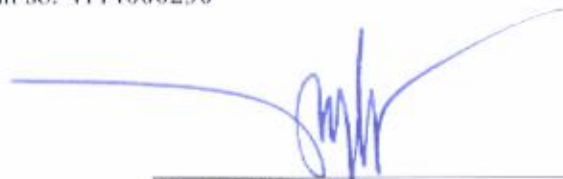
Chung Hồng Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		775.262.646.033	289.811.859.358
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	318.718.104.135	38.282.191.247
Tiền	111		13.718.104.135	8.282.191.247
Các khoản tương đương tiền	112		305.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	70.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	312.024.147.352	185.834.693.868
Phải thu khách hàng	131		161.517.793	3.684.056.057
Trả trước cho người bán	132		296.166.519.949	179.444.953.576
Các khoản phải thu khác	135		15.977.495.212	3.031.882.564
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(281.385.602)	(326.198.329)
Hàng tồn kho	140	8	53.762.059.406	63.415.593.359
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.758.335.140	2.279.380.884
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		547.083.481	154.715.025
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.620.673.979	1.160.479.510
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.590.577.680	964.186.349
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		882.060.564.288	576.595.441.768
Tài sản cố định	220		503.207.024.910	317.720.745.331
Tài sản cố định hữu hình	221	9	243.098.880.889	248.120.693.294
Nguyên giá	222		358.798.491.191	336.553.604.844
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.699.610.302)	(88.432.911.550)
Tài sản cố định vô hình	227	10	9.881.956.831	15.098.322.159
Nguyên giá	228		11.180.874.439	15.875.078.023
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.298.917.608)	(776.755.864)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	250.226.187.190	54.501.729.878
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	373.994.434.709	257.620.388.395
Đầu tư vào công ty con	251		131.406.800.187	14.732.250.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		155.525.027.902	151.488.858.905
Đầu tư dài hạn khác	258		109.101.234.798	104.317.994.798
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(22.038.628.178)	(12.918.715.308)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn khác	260		4.859.104.669	1.254.308.042
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.750.604.669	1.185.808.042
Tài sản dài hạn khác	268		108.500.000	68.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.657.323.210.321	866.407.301.126
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		822.155.882.027	361.119.221.901
Nợ ngắn hạn	310		671.654.665.368	269.065.535.465
Vay ngắn hạn	311	14	578.726.345.607	176.756.587.087
Phải trả người bán	312	15	63.895.514.658	28.426.238.603
Người mua trả tiền trước	313	16	194.162.230	27.429.479.800
Thuế phải nộp Nhà nước	314	17	6.992.529.234	3.481.242.790
Phải trả người lao động	315		7.904.591.100	5.677.452.197
Chi phí phải trả	316	18	1.688.905.435	2.661.085.288
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	5.100.983.553	12.803.447.016
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	7.151.633.551	11.830.002.684
Vay và nợ dài hạn	330		150.501.216.659	92.053.686.436
Vay và nợ dài hạn	334	21	150.501.216.659	92.053.686.436
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		835.167.328.294	505.288.079.225
Vốn chủ sở hữu	410	22	835.167.328.294	505.288.079.225
Vốn cổ phần	411	23	607.500.000.000	303.750.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	12.132.550.000	12.334.430.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		109.220.527.995	101.382.082.596
Quỹ dự phòng tài chính	418		15.599.345.134	11.680.122.435
Lợi nhuận chưa phân phối	420		90.714.905.165	76.141.444.194
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.657.323.210.321	866.407.301.126

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngoại tệ (Dô la Mỹ)	283.083.002	9.531.294

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.016.043.162.937	934.587.514.387
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	845.861.355	924.089.905
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	1.015.197.301.582	933.663.424.482
Giá vốn hàng bán	11	25	859.929.293.677	800.484.363.864
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		155.268.007.905	133.179.060.618
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	33.813.800.389	54.268.227.899
Chi phí tài chính	22	27	41.000.198.866	67.465.784.310
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		30.746.293.807	57.607.747.373
Chi phí bán hàng	24		22.315.154.253	9.957.555.569
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.838.969.045	25.370.005.904
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		89.927.486.130	84.653.942.734
Thu nhập khác	31	28	45.327.311.815	7.313.118.399
Chi phí khác	32	29	35.889.217.758	3.267.038.903
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.438.094.057	4.046.079.496
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		99.365.580.187	88.700.022.230
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	20.981.126.199	16.115.590.436
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		78.384.453.988	72.584.431.794
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.466	6.322

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		99.365.580.187	88.700.022.230
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		35.747.103.855	31.076.713.836
Các khoản dự phòng	03		9.075.100.143	99.980.053
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(33.159.763.916)	(25.717.624.092)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	05		(5.364.416.414)	(95.725.823)
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	05		-	(19.509.523.152)
Chi phí lãi vay	06		30.746.293.807	57.607.747.373
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		136.409.897.662	132.161.590.425
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(59.372.912.885)	(299.318.001.499)
Biến động hàng tồn kho	10		9.653.533.953	233.283.264.928
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.057.085.709	22.521.995.396
Biến động chi phí trả trước	12		(2.388.253.577)	207.312.216
			87.359.350.862	88.856.161.466
Tiền lãi vay đã trả	13		(31.660.421.378)	(56.097.548.311)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.826.343.821)	(32.458.417.679)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.169.194.052)	(8.702.873.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		26.703.391.611	(8.402.678.093)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(337.814.582.043)	(67.171.498.684)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		38.139.167.045	180.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	25		(193.943.959.184)	(261.129.467.573)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
Tiền thu lãi và cổ tức	27		28.948.986.716	25.717.624.092
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(464.670.387.466)	(153.740.537.765)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		303.548.120.000	222.569.800.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.450.334.650.965	801.842.331.757
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(989.917.362.222)	(778.089.438.325)
Tiền chi trả cổ tức	36		(45.562.500.000)	(48.533.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		718.402.908.743	197.788.815.432
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		280.435.912.888	35.645.599.574
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		38.282.191.247	2.636.591.673
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	318.718.104.135	38.282.191.247

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Lòng Giám đốc

Trần Kim Dũng

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa - Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 504 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 356 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính đính kèm là báo cáo tài chính riêng mà trong đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khoản dự phòng giảm giá, nếu có, để ghi giảm nguyên giá xuống bằng giá trị có thể thực hiện được ước tính của các khoản đầu tư này. Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty con. Công ty phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Công ty mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(e) Trả trước cho nông dân trồng mía

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất từ 6 đến 28 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo trì

Dự phòng chi phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và đánh giá hợp lý của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các năm tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo tài chính định kỳ.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	238.515.295	154.410.604
Tiền gửi ngân hàng	13.479.588.840	8.127.780.643
Các khoản tương đương tiền	305.000.000.000	30.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>318.718.104.135</u>	<u>38.282.191.247</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 200 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên vay với thời gian đáo hạn là một tháng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và chịu lãi suất năm lần lượt là 8% và 7%.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 20 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****7. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	6.874.117.060	284.817.014

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 168.070 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 177.889 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân và chịu lãi suất năm từ 10,8% đến 15% trong năm. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng với 30% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản trả trước cho người bán với giá trị ghi sổ là 168.070 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã căn trừ tổng cộng 358.809 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2012: 361.985 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty		
Cổ phần Mía Đường Phan Rang (*)	-	1.550.000.000
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần mía đường 333	4.210.777.200	-
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (**)	5.679.720.000	-
Lãi phải thu từ ngân hàng	1.379.294.444	-
Chi trả hộ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	2.663.339.860	-
Phải thu khác	2.044.363.708	1.481.882.564
	15.977.495.212	3.031.882.564

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(*) Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu ngày 15 tháng 5 năm 2012, Công ty đồng ý mua 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”), một công ty liên kết, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), với giá mua bằng tiền là 1,5 tỷ VND. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Sacombank. Công ty đã nhận được sổ cổ đông trong năm 2013 và tất toán khoản đặt cọc này.

(**) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HDTC-ĐNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Công ty thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 USD. Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Công ty trả thay cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	517.300.000
Nguyên vật liệu	14.164.180.297	12.022.289.873
Công cụ và dụng cụ	45.720.543	38.643.994
Sản phẩm dở dang	7.088.358.801	4.881.556.031
Thành phẩm	32.176.775.382	45.382.513.246
Hàng hóa	287.024.383	573.290.215
	53.762.059.406	63.415.593.359

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 32.177 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45.383 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	65.348.542.911	258.075.206.116	11.907.924.942	1.221.930.875	336.553.604.844
Tăng trong năm	720.978.364	2.683.840.546	-	1.419.497.381	4.824.316.291
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.923.807.867	53.104.464.101	-	-	55.028.271.968
Thanh lý	(30.521.015.800)	(1.426.516.330)	-	-	(31.947.532.130)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(174.127.852)	(1.093.389.922)	-	(132.207.544)	(1.399.725.318)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(896.099.251)	(2.856.546.605)	-	(507.798.608)	(4.260.444.464)
Phân loại lại	(262.583.161)	262.583.161	-	-	-
Số dư cuối năm	36.139.503.078	308.749.641.067	11.907.924.942	2.001.422.104	358.798.491.191
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.209.861.305	71.777.979.180	1.973.786.451	471.284.614	88.432.911.550
Khấu hao trong năm	3.338.728.719	30.395.312.944	1.190.792.496	287.981.312	35.212.815.471
Thanh lý	(3.255.575.009)	(575.030.140)	-	-	(3.830.605.149)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(125.045.407)	(869.672.718)	-	(100.687.618)	(1.095.405.743)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(586.812.416)	(2.105.634.571)	-	(327.658.840)	(3.020.105.827)
Phân loại lại	(26.258.315)	26.258.315	-	-	-
Số dư cuối năm	13.554.898.877	98.649.213.010	3.164.578.947	330.919.468	115.699.610.302
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	51.138.681.606	186.297.226.936	9.934.138.491	750.646.261	248.120.693.294
Số dư cuối năm	22.584.604.201	210.100.428.057	8.743.345.995	1.670.502.636	243.098.880.889

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.641 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.041 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 224.753 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 159.520 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13) và Chi phí trả trước ngắn hạn.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.335.998.089	539.079.934	15.875.078.023
Thanh lý	(4.657.823.650)	-	(4.657.823.650)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(36.379.934)	(36.379.934)
Số dư cuối năm	10.678.174.439	502.700.000	11.180.874.439
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	622.914.209	153.841.655	776.755.864
Khấu hao trong năm	424.653.408	109.634.976	534.288.384
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(12.126.640)	(12.126.640)
Số dư cuối năm	1.047.567.617	251.349.991	1.298.917.608
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	14.713.083.880	385.238.279	15.098.322.159
Số dư cuối năm	9.630.606.822	251.350.009	9.881.956.831

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 7.843 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.657 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	54.501.729.878	64.090.641.512
Tăng trong năm	250.752.729.280	59.027.781.944
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.028.271.968)	(68.616.693.578)
Số dư cuối năm	250.226.187.190	54.501.729.878

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 964 triệu VND (2012: 467 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty con:								
▪ Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (a)	736.195	62,92%	62,92%	15.278.135.340	690.750	59,04%	59,04%	14.732.250.000
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (b)	1.619.198	51,68%	51,68%	24.128.664.847	-	-	-	-
▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (c)	-	100%	100%	92.000.000.000	-	-	-	-
				131.406.800.187				14.732.250.000
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (b)	-	-	-	-	1.313.210	41,9%	41,9%	19.963.831.003
▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333 (d)	3.508.981	42,1%	42,1%	42.606.399.724	3.508.981	42,1%	42,1%	42.606.399.724
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường - Nhiệt điện Gia Lai (e)	6.400.000	22,98%	22,98%	112.918.628.178	4.000.000	22,98%	22,98%	88.918.628.178
				155.525.027.902				151.488.858.905
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,4%	0,4%	1.401.234.798	58.324	0%	0%	817.994.798
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	14%	14%	4.200.000.000	-	-	-	-
				109.101.234.798				104.317.994.798
				(22.038.628.178)				(12.918.715.308)
				373.994.434.709				257.620.388.395

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.
- (b) Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.

Trong năm, Công ty mua thêm 305.988 cổ phiếu của Đường Phan Rang và tăng tỷ lệ sở hữu của Đường Phan Rang lên 51,68%. Công ty bắt đầu kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Đường Phan Rang. Theo đó, Đường Phan Rang đã trở thành một công ty con của Công ty.

- (c) Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt Điện Ninh Hòa là sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.
- (d) Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.
- (e) Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần điện Gia Lai với giá trị là 70 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 35 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường 333 với giá trị là 39 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) và Công ty Cổ phần Đường Phan Rang với giá trị là 21 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	14.732.250.000	-
Các khoản đầu tư mới trong năm	94.371.609.240	14.732.250.000
Chuyển từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết	22.302.940.947	-
Số dư cuối năm	131.406.800.187	14.732.250.000

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	151.488.858.905	44.424.610.727
Các khoản đầu tư mới trong năm	26.339.109.944	107.064.248.178
Chuyển sang các khoản đầu tư vào công ty con	(22.302.940.947)	-
Số dư cuối năm	155.525.027.902	151.488.858.905

Biến động các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	104.317.994.798	89.508.536.651
Tăng đầu tư trong năm	4.783.240.000	143.962.739.395
Thanh lý đầu tư trong năm	-	(129.153.281.248)
Số dư cuối năm	109.101.234.798	104.317.994.798

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	12.918.715.308	12.674.525.848
Tăng dự phòng trong năm	9.119.912.870	244.189.460
Số dư cuối năm	22.038.628.178	12.918.715.308

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN****13. Chi phí trả trước dài hạn**

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.185.808.042	1.285.204.874
Tăng trong năm	2.658.848.642	978.991.491
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình - giá trị thuần	1.264.591.931	-
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	156.726.673	-
Phân bổ trong năm	(515.370.619)	(1.078.388.323)
Số dư cuối năm	4.750.604.669	1.185.808.042

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	558.379.780.311	146.845.422.227
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	20.346.565.296	29.911.164.860
	578.726.345.607	176.756.587.087

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	6,8% - 8,3%	45.000.000.000	79.696.370.994
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (b)	VND	6,8% - 8,5%	11.950.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (c)	VND	6,8% - 7,6%	14.000.000.000	55.671.353.560
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VND	8,5%	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (e)	VND	7% - 8,8%	18.195.123.278	11.477.697.673
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	6,75%	133.234.657.033	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (g)	VND	5,5%	30.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	7,8% - 7,85%	21.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	7,3%	235.000.000.000	-
			558.379.780.311	146.845.422.227

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị là 10 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 45 tỷ VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng chi phí trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 167.783 tỷ VND.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 35 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 8.743 triệu VND. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 70 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VND).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội là 40 tỷ VND.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thành phẩm với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Phan Rang với giá trị ghi sổ là 21 tỷ VND và Công ty Cổ phần Mía Đường 333 với giá trị ghi sổ là 39 tỷ VND. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 180 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN****15. Phải trả người bán**

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan khác	125.008.700	329.886.865

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước từ các cổ đông để mua đường	-	26.728.932.000

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.937.792.380	2.783.010.002
Thuế thu nhập cá nhân	583.371.474	633.496.912
Các loại thuế khác	471.365.380	64.735.876
	6.992.529.234	3.481.242.790

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN****18. Chi phí phải trả**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi của các khoản người mua trả tiền trước	-	1.640.837.280
Chi phí lãi vay	1.423.709.133	696.999.424
Phí tư vấn	230.000.000	55.000.000
Chi phí khác	35.196.302	268.248.584
	1.688.905.435	2.661.085.288

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	-	8.000.000.000
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	2.847.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	899.800.000	1.189.600.000
Phải trả khác	1.353.186.753	765.850.216
	5.100.983.553	12.803.447.016

(*) Công ty nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2013. Khoản ứng trước này không chịu lãi và phải hoàn trả trong khoảng thời gian 3 tháng, tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Công ty đã hoàn trả khoản ứng trước này trong năm.

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	11.830.002.684	9.011.273.406
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm	9.847.768.098	11.415.386.359
Tặng khác	28.400.000	-
Hoàn nhập trong năm	(3.356.943.179)	(617.492)
Sử dụng trong năm	(11.197.594.052)	(8.596.039.589)
	7.151.633.551	11.830.002.684

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

21. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	122.079.391.660	121.964.851.296
Nợ thuê tài chính	48.768.390.295	-
	170.847.781.955	121.964.851.296
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(20.346.565.296)	(29.911.164.860)
Hoàn trả sau 12 tháng	150.501.216.659	92.053.686.436

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay từ Ngân hàng					
TMCP Sài Gòn Thương					
Tín					
Khoản vay 1	VND	14%	2017	-	28.466.398.596
Khoản vay 2	VND	12%	2020	-	35.000.000.000
Khoản vay 3	VND	14% - 16%	2015	-	58.498.452.700
Vay từ Ngân hàng					
TNHH MTV HSBC Việt					
Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	9%	2018	34.960.000.000	-
Khoản vay 2 (a)	VND	10%	2018	87.119.391.660	-
Nợ phải trả từ Công ty					
cho thuê Tài chính Ngân					
hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (b)	VND	11,4% - 12%	2020	48.768.390.295	-
				170.847.781.955	121.964.851.296

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại tỉnh Ninh Hòa với giá trị ghi sổ là 7.843 tỷ VND và công trình trên đất với giá trị ghi sổ là 5.909 triệu VND. Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 216 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ. Tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận vào chi phí trả trước cho người bán với giá trị ghi sổ là 51.871 triệu VND.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2013		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	11.470.969.391	5.093.564.506	6.377.404.885
Trong vòng hai đến năm năm	43.461.501.596	13.450.184.492	30.011.317.104
Sau năm năm	13.897.390.631	1.517.722.325	12.379.668.306
	68.829.861.618	20.061.471.323	48.768.390.295

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	76.466.815.154	272.183.460.277
Phát hành cổ phiếu	222.750.000.000	(180.200.000)	-	-	-	-	222.569.800.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	72.584.431.794	72.584.431.794
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	3.646.852.472	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	617.492	617.492
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	(14.516.886.359)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.415.386.359)	(11.415.386.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(49.099.155)	-	(49.099.155)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	39.255.176	-	-	-	39.255.176
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225
Phát hành cổ phiếu	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	78.384.453.988	78.384.453.988
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	7.838.445.399	3.919.222.699	(11.757.668.098)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.847.768.098)	(9.847.768.098)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	607.500.000.000	12.132.550.000	-	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.167.328.294

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	30.375.000	316.084.430.000	8.100.000	93.514.630.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	30.375.000	303.548.120.000	22.275.000	222.569.800.000
Số dư cuối năm	60.750.000	619.632.550.000	30.375.000	316.084.430.000

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****24. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	853.692.987.824	783.370.032.898
▪ Mật	39.692.044.461	35.638.815.009
▪ Mía giống	4.358.743.200	5.436.042.800
▪ Điện	2.403.826.360	4.764.236.022
▪ Bùn, tro, bã	9.495.149.735	4.952.237.709
▪ Phân bón	98.294.178.272	93.481.999.778
▪ Thuốc trừ sâu	6.191.299.272	5.173.816.669
▪ Khác	1.914.933.813	1.770.333.502
	1.016.043.162.937	934.587.514.387
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(845.861.355)	(924.089.905)
	(845.861.355)	(924.089.905)
Doanh thu thuần	1.015.197.301.582	933.663.424.482

25. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	700.158.945.273	654.705.863.089
▪ Mật	43.164.106.516	35.638.815.009
▪ Mía giống	5.003.804.700	5.516.705.000
▪ Điện	2.403.826.360	4.764.236.022
▪ Bùn, tro, bã	7.447.632.262	3.659.684.475
▪ Phân bón	94.233.901.414	89.727.026.778
▪ Thuốc trừ sâu	5.739.988.518	4.756.534.925
▪ Khác	1.777.088.634	1.715.498.566
	859.929.293.677	800.484.363.864

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	28.409.533.152
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	11.469.184.865	12.991.366.796
Thu nhập cổ tức	16.756.933.397	10.804.065.000
Lãi từ tiền đặt cọc theo thỏa thuận mua cổ phiếu	-	1.038.201.600
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.532.970.253	883.990.696
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	654.036.473	141.070.655
	33.813.800.389	54.268.227.899

27. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	30.746.293.807	57.607.747.373
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.900.010.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	9.119.912.870	244.189.460
Chi phí tài chính khác	1.133.992.189	713.837.477
	41.000.198.866	67.465.784.310

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****28. Thu nhập khác**

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	1.065.000.000	4.260.000.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	38.139.167.045	180.000.000
Tiền thu từ bán mía giống	596.466.666	962.272.324
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.775.000.000	-
Tiền thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	1.904.601.740	481.394.864
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	303.639.315
Thu nhập khác	1.847.076.364	1.125.811.896
	45.327.311.815	7.313.118.399

29. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	32.774.750.631	84.274.177
Giá vốn của vật tư thanh lý	997.222.898	192.917.714
Chi phí trồng mía giống	751.082.702	848.875.431
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	784.009.615	1.481.824.683
Phạt vi phạm hành chính	49.150.079	158.604.394
Chi phí khác	533.001.833	500.542.504
	35.889.217.758	3.267.038.903

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	20.981.126.199	16.115.590.436

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	99.365.580.187	88.700.022.230
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.841.395.047	22.175.005.558
Chi phí không được khấu trừ thuế	328.964.501	279.300.506
Thu nhập không chịu thuế	(4.189.233.349)	(2.701.016.250)
Ưu đãi thuế	-	(3.637.699.378)
	20.981.126.199	16.115.590.436

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 78.384.453.988 VND (2012: 72.584.431.794 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.789.726 (2012: 11.480.533), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	78.384.453.988	72.584.431.794
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	78.384.453.988	72.584.431.794

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(ii) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân gia quyền**

	2013 Số cổ phiếu	2012 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	30.375.000	8.100.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 3 năm 2012	-	1.432.992
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 11 năm 2012	-	1.947.541
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2013	1.414.726	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	31.789.726	11.480.533

32. Các công cụ tài chính**(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	318.479.588.840	38.127.780.643
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (ii)	70.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	16.139.013.005	6.715.938.621
Trả trước cho người bán (iv)	167.788.335.670	177.563.759.367
	572.406.937.515	222.407.478.631

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 đến 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 đến 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	16.139.013.005	6.715.938.621

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(iv) Trả trước cho người bán**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được căn trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	166.470.760.983	177.095.973.858
Quá hạn trên 180 ngày	1.598.960.289	793.983.838
	168.069.721.272	177.889.957.696

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	558.379.780.311	567.067.865.423	567.067.865.423	-	-	-
Phải trả người bán	63.895.514.658	63.895.514.658	63.895.514.658	-	-	-
Phải trả người lao động	7.904.591.100	7.904.591.100	7.904.591.100	-	-	-
Chi phí phải trả	5.100.983.553	5.100.983.553	5.100.983.553	-	-	-
Phải trả khác	1.688.905.435	1.688.905.435	1.688.905.435	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	170.847.781.955	237.933.786.598	37.024.091.458	41.213.183.191	101.401.260.305	58.295.251.644
	807.817.557.012	883.591.646.767	682.681.951.627	41.213.183.191	101.401.260.305	58.295.251.644

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	150.677.631.966	150.677.631.966	-	-	-
Phải trả người bán	28.426.238.603	28.426.238.603	28.426.238.603	-	-	-
Phải trả người lao động	5.677.452.197	5.677.452.197	5.677.452.197	-	-	-
Chi phí phải trả	12.803.447.016	12.803.447.016	12.803.447.016	-	-	-
Phải trả khác	2.661.085.288	2.661.085.288	2.661.085.288	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	121.964.851.296	166.374.531.353	45.604.573.572	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333
	318.378.496.627	366.620.386.423	245.850.428.642	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 649 tỷ VND nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	305.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	70.000.000.000	-
Trả trước cho người bán	167.788.335.670	177.563.759.367
Vay ngắn hạn	(80.000.000.000)	-
	462.788.335.670	207.563.759.367
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	13.479.588.840	8.127.780.643
Vay ngắn hạn	(478.379.780.311)	(146.845.422.227)
Vay dài hạn	(170.847.781.955)	(121.964.851.296)
	(635.747.973.426)	(260.682.492.880)

Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 4,2 tỷ VND lợi nhuận thuần của Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1,7 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(c) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	70.000.000.000	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	318.718.104.135	38.282.191.247
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	16.139.013.005	6.715.938.621
- Trả trước cho người bán	167.788.335.670	177.563.759.367
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	109.101.234.798	104.317.994.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	68.996.498.211	41.229.685.619
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	9.593.496.535	8.338.537.485
- Các khoản vay và nợ	729.227.562.266	268.810.273.523

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước cho người bán, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay và nợ dài hạn

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giả niệm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giả niệm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

	Thuyết minh	31/12/2013	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	1.401.234.798	1.458.100.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	(ii)	4.200.000.000	-
		109.101.234.798	1.458.100.000

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (ii) Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công là các công ty chưa niêm yết. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

33. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

	2013 VND	2012 VND
Cổ tức công bố nhưng chưa thanh toán	4.210.777.200	-
Khoản đầu tư tăng thêm được chuyển từ khoản phải thu	1.550.000.000	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	323.599.171.160	327.442.828.095
Mua tài sản cố định	1.082.312.967	-
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	32.000.000.000	435.951.968.000
Trả tiền ứng trước mua hàng hóa	-	70.000.000.000
Vay	12.000.000.000	-
Trả nợ vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	26.666.667	-
Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa	717.692.455	5.565.793.386
Mua giải pháp kỹ thuật	-	513.876.085
Mua dịch vụ tư vấn	956.426.910	982.000.000
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn	441.884.000	-
Cổ tức phải trả	8.851.500.000	-
Lãi do thanh toán chậm	1.400.675.401	-
Cho vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	179.736.112	-
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung		
Bán hàng hóa	4.985.998.083	-
Thu nhập lãi	115.448.910	-
Phí quản lý đất	128.907.336	36.290.529
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa		
Góp vốn	92.000.000.000	-
Vay	51.900.000.000	-
Chi trả hộ	2.663.339.860	-
Thu nhập lãi từ các khoản vay	571.111.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang		
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	300.000.000	756.051.364
Thu nhập cổ tức	-	1.837.173.000
Mua đường	320.285.714	192.347.000

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Mía đường 333		
Ứng tiền mua cổ phiếu	-	11.318.600.000
Thu nhập cổ tức	4.210.777.200	4.177.360.000
Lãi ứng tiền mua cổ phiếu	209.135.267	1.633.004.463
Công ty Cổ phần Nhiệt điện – Mía đường Gia Lai		
Thu nhập từ cổ tức	5.200.000.000	5.000.000.000
Góp vốn cổ phần	24.000.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	600.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	8.359.520.866	6.322.066.953

35. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	104.145.212.545	182.214.239.600

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	759.976.091.783	716.941.459.597
Chi phí nhân công	49.071.890.462	37.481.092.525
Chi phí khấu hao và phân bổ	35.747.103.855	31.076.713.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.931.574.537	9.692.394.036
Chi phí khác	24.486.122.752	16.029.112.744

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Ngày 24 tháng 3 năm 2014